Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-07-03 08:06:04 +07:00

BỘ QUỐC PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 83/2026/TT-BQP	*Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2026*

THÔNG TƯ
Quy định Nội quy cơ sở giam giữ trong Quân đội nhân dân và danh mục đồ vật cấm đưa vào khu vực giam giữ

Căn cứ Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú số 128/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 03/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điều tra hình sự Bộ Quốc phòng,

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định Nội quy cơ sở giam giữ trong Quân đội nhân dân và danh mục đồ vật cấm đưa vào khu vực giam giữ.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định Nội quy cơ sở giam giữ trong Quân đội nhân dân gồm: Trại tạm giam, phân trại tạm giam, nhà tạm giữ của cơ quan điều tra hình sự khu vực; buồng tạm giữ của Bộ đội Biên phòng, Vùng Cảnh sát biển; danh mục đồ vật cấm đưa vào khu vực giam giữ và việc phát hiện thu giữ, xử lý đồ vật cấm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Trại tạm giam, phân trại tạm giam thuộc trại tạm giam Bộ Quốc phòng; trại tạm giam thuộc quân khu, Quân đoàn 34; nhà tạm giữ thuộc cơ quan điều tra hình sự khu vực trong Quân đội nhân dân; buồng tạm giữ của Bộ đội Biên phòng, Vùng Cảnh sát biển, sau đây viết gọn là cơ sở giam giữ.

2. Người bị tạm giữ, người bị tạm giam, sau đây viết gọn là người bị tạm giữ, tạm giam.

3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; bảo đảm quyền con người, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

2. Nghiêm chỉnh chấp hành các lệnh, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền, trách nhiệm trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam; tuân thủ sự điều hành, hướng dẫn và kiểm tra của cơ sở giam giữ.

3. Tôn trọng tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của mình và của người khác; bảo vệ tài sản của cơ sở giam giữ, của người bị tạm giữ, tạm giam; tố giác các hành vi sai trái, tiêu cực, vi phạm pháp luật trong cơ sở giam giữ.

4. Thực hiện đúng quy định về thời gian, hiệu lệnh và các quy định trong sinh hoạt, ngủ, nghỉ.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đồ vật cấm đưa vào khu vực giam giữ* là đồ vật khi đưa vào khu vực giam giữ sẽ gây mất an ninh, an toàn cho cơ sở giam giữ; người bị tạm giữ, tạm giam có thể sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm Nội quy cơ sở giam giữ, vi phạm pháp luật hoặc gây cản trở cho công tác thi hành tạm giữ, tạm giam, các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án.

2. *Danh mục đồ vật cấm* là danh mục các đồ vật không được phép đưa vào khu vực giam giữ trừ các đồ vật được Thủ trưởng cơ sở giam giữ đồng ý đưa vào để phục vụ yêu cầu công tác quản lý tạm giữ, tạm giam, thực hiện chế độ đối với người bị tạm giữ, tạm giam hoặc phục vụ hoạt động điều tra, truy tố, xét xử; quản lý, sử dụng phải đảm bảo an toàn.

3. *Khu vực giam giữ* là phạm vi khu vực có các công trình giam giữ và công trình phụ trợ phục vụ giam giữ bao gồm: Khu giam giữ; khu khám, chữa bệnh cho người bị tạm giữ, tạm giam; khu tổ chức cho thăm gặp, làm việc, lấy lời khai, hỏi cung và các hoạt động khác đối với người bị tạm giữ, tạm giam để quản lý chặt chẽ người bị tạm giữ, tạm giam đảm bảo an toàn.

Chương II
NỘI QUY CƠ SỞ GIAM GIỮ

Điều 5. Những hành vi bị nghiêm cấm

1. Phá hủy cơ sở giam giữ, cố ý làm hư hỏng tài sản của cơ sở giam giữ hoặc của người khác; trốn, tổ chức trốn khỏi nơi giam giữ hoặc bao che, dung túng, ủng hộ, tiếp tay đối với những âm mưu, hành động nhằm trốn khỏi cơ sở giam giữ.

2. Vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam; không chấp hành hoặc cản trở việc chấp hành các lệnh, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền trong thi hành tạm giữ, tạm giam; trả thù người phản ánh những hành vi sai trái của mình hoặc của người khác.

3. Đe dọa, đánh đập, ức hiếp; làm lây nhiễm các loại virus và các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm cho người khác; cưỡng đoạt tài sản của người khác, hủy hoại thân thể mình, tự xăm trổ hoặc xăm trổ lên thân thể người khác; tự đeo, găm lên cơ thể mình hoặc người khác những đồ vật bằng kim loại hoặc vật chất khác.

4. Các hành vi quan hệ đồng tính tình dục với nhau, dâm ô dưới mọi hình thức.

5. Lập hội, nhóm, bè phái dưới mọi hình thức; có thái độ, lời nói, hành vi thiếu văn hóa, gây gổ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác; thuê, bắt ép người khác phục vụ mình.

6. Lưu giữ, sử dụng và truyền bá văn hóa, tư tưởng có nội dung phản động, đồi trụy, tuyên truyền tôn giáo trái phép; hoạt động bói toán, cúng lễ, truyền đạo, các hành vi mê tín, dị đoan, đánh bạc dưới mọi hình thức.

7. Tự ý thay đổi chỗ nằm; có hành vi gây mất vệ sinh trong cơ sở giam giữ.

8. Chống đối, cản trở hoặc kích động, xúi giục, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc người khác chống đối, cản trở việc chấp hành nội quy cơ sở giam giữ; thông tin sai lệch nhằm kích động người khác gây mất trật tự trong cơ sở giam giữ.

9. Giả ốm, đau hoặc thực hiện các hành vi nhằm trốn tránh, không chấp hành chỉ định, hướng dẫn của cán bộ cơ sở giam giữ và cơ sở khám, chữa bệnh.

10. Vi phạm các quy định khác của pháp luật.

Điều 6. Quy định đối với người bị tạm giữ, tạm giam

1. Chấp hành nghiêm các quyết định, lệnh, bản án, chế độ quản lý giam giữ và quy định tại Nội quy này; tuyệt đối tuân thủ mệnh lệnh, yêu cầu, hướng dẫn của cơ quan, người có thẩm quyền, trách nhiệm trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam.

2. Chấp hành nghiêm thời gian sinh hoạt, giữ gìn trật tự vệ sinh chung; nam giới phải cắt tóc ngắn, không để râu, ria mép; nữ giới phải để tóc gọn gàng.

3. Sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp, trừ trường hợp là người nước ngoài, người dân tộc thiểu số chưa biết tiếng Việt, người khuyết tật về nói; khi xưng hô với cán bộ là "tôi" và "cán bộ" với khách đến thăm hoặc làm việc là "tôi" và "quý khách"; khi giao tiếp với nhau thì tùy độ tuổi, giới tính để xưng hô cho phù hợp. Khi trích xuất ra khỏi buồng giam phải mặc quần áo dài, gọn gàng sạch sẽ và thực hiện đúng hướng dẫn của cán bộ cơ sở giam giữ.

4. Báo cáo kịp thời, trung thực với cán bộ các trường hợp vi phạm nội quy cơ sở giam giữ, tình trạng ốm đau, bệnh tật, thương tích của bản thân hoặc người khác, các tình huống ảnh hưởng đến an ninh, an toàn cơ sở giam giữ.

5. Được đảm bảo tiêu chuẩn ăn và phải ăn đúng thời gian quy định; được sử dụng quà, tiền gửi lưu ký mua đồ ăn là thực phẩm đã qua chế biến dùng ngay được để ăn thêm, theo quy định.

6. Người bị tạm giữ, tạm giam chỉ được mang quần áo, chăn, màn, chiếu và các đồ dùng cần thiết cho sinh hoạt cá nhân, đồ dùng cho trẻ em dưới 36 tháng tuổi nếu ở cùng với mẹ là người bị tạm giữ, tạm giam, nếu thiếu thì cơ sở giam giữ cho mượn; đồ dùng và tư trang phải được sắp xếp gọn gàng ngăn nắp, đặt đúng nơi quy định, đảm bảo sạch sẽ.

7. Đồ vật, tư trang, tiền và tài sản khác phải gửi lưu ký tại cơ sở giam giữ hoặc ủy quyền cho người thân thích, người đại diện hợp pháp quản lý.

8. Phải ở đúng vị trí đã quy định, giữ gìn vệ sinh chung và chấp hành việc kiểm tra, kiểm soát, điểm danh, kiểm diện của cơ sở giam giữ. Không viết vẽ lên tường, lên cửa hoặc có hành vi gây mất trật tự tại cơ sở giam giữ.

Điều 7. Quy định đối với người đến thăm gặp, tiếp xúc, làm việc

1. Khi đến cơ sở giam giữ phải xuất trình đầy đủ giấy tờ, mặc trang phục gọn gàng, trường hợp đến làm việc phải mặc trang phục theo quy định của ngành; chấp hành hướng dẫn, thời gian thăm gặp, tiếp xúc, làm việc của cơ sở giam giữ; có thái độ văn minh, lịch sự, giữ gìn vệ sinh chung.

2. Không mang theo hoặc cho người khác sử dụng những đồ vật thuộc danh mục đồ vật cấm vào trong khu vực cơ sở giam giữ. Chỉ được đưa vào khu vực giam giữ các loại tài liệu, trang bị, thiết bị hoặc đồ dùng khác phục vụ mục đích thăm gặp, tiếp xúc hoặc làm việc theo quy định. Đối với những đồ vật thuộc danh mục đồ vật cấm nhưng là tài sản cá nhân hợp pháp thì phải gửi tại nơi bảo quản của cơ sở giam giữ.

3. Không tự ý vào khu vực giam giữ, đi lại tùy tiện, tiếp xúc, tiếp nhận hoặc chuyển đồ vật, tài liệu, trao đổi thông tin với người bị tạm giữ, tạm giam. Việc sử dụng các thiết bị thông tin liên lạc, chụp ảnh, ghi âm, ghi hình, phỏng vấn phải được sự đồng ý của Thủ trưởng cơ sở giam giữ.

4. Không lợi dụng việc thăm gặp, tiếp xúc, làm việc để tụ tập, tuyên truyền, kích động, gây mất an ninh, trật tự; không có lời nói, hành vi thiếu văn hóa, xúc phạm uy tín, danh dự của cán bộ thi hành nhiệm vụ và người khác hoặc giúp sức, xúi giục người bị tạm giữ, tạm giam vi phạm nội quy cơ sở giam giữ.

5. Người đến thăm gặp, tiếp xúc, làm việc với người bị tạm giữ, tạm giam có quyền góp ý, kiến nghị, phản ánh hoặc khiếu nại, tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam của cơ sở giam giữ.

Điều 8. Quy định đối với cán bộ, nhân viên, chiến sĩ cơ sở giam giữ

1. Chấp hành nghiêm Luật số 128/2025/QH15, các quy định pháp luật khác, Điều lệnh Quản lý bộ đội, quy chế của ngành, quy định của đơn vị.

2. Không tự ý vào khu vực giam giữ, tiếp xúc, trao đổi thông tin với người bị tạm giữ, tạm giam hoặc cung cấp thông tin liên quan đến người bị tạm giữ, tạm giam cho các tổ chức, cá nhân khi không có sự phân công, cho phép của Thủ trưởng cơ sở giam giữ.

3. Không đưa vào sử dụng hoặc cho người khác sử dụng những đồ vật thuộc danh mục đồ vật cấm trong khu vực giam giữ, trừ các loại trang bị, thiết bị hoặc các đồ dùng khác phục vụ công tác theo quy định.

4. Không vay, mượn, mua, bán, trao đổi, nhận, chuyển tiền, quà, đồ vật của người bị tạm giữ, tạm giam, người thân thích của người bị tạm giữ, tạm giam hoặc người khác có liên quan đến người bị tạm giữ, tạm giam vì mục đích vụ lợi cá nhân.

5. Không giúp sức, che giấu, ép buộc người bị tạm giữ, tạm giam và người khác vi phạm nội quy cơ sở giam giữ, pháp luật.

Điều 9. Xử lý vi phạm

Người bị tạm giữ, tạm giam, cơ quan, tổ chức, đơn vi, cá nhân có liên quan nếu vi phạm Nội quy này tùy tính chất, mức độ vi phạm bị xử lý theo quy định của Luật số 128/2025/QH15 và các văn bản có liên quan.

Chương III

DANH MỤC ĐỒ VẬT CẤM ĐƯA VÀO KHU VỰC GIAM GIỮ VÀ VIỆC PHÁT HIỆN, THU GIỮ, XỬ LÝ ĐỒ VẬT CẤM

Điều 10. Danh mục đồ vật cấm đưa vào khu vực giam giữ

1. Vũ khí quân dụng, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao, súng săn, vũ khí khác có tính năng, tác dụng tương tự và linh kiện để lắp ráp vũ khí; vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ.

2. Công cụ hỗ trợ: Các loại súng dùng để bắn đạn nhựa, nổ, cao su, hơi cay, pháo hiệu, hiệu lệnh, đánh dấu; súng bắn điện, hơi ngạt, chất độc, chất gây mê, từ trường, laze, lưới; súng phóng dây mồi và đạn sử dụng cho các loại súng này; các loại phương tiện xịt hơi cay, hơi ngạt, chất độc, chất gây mê, chất gây ngứa; lựu đạn khói, lựu đạn cay, quả nổ; dùi cui điện, dùi cui cao su, dùi cui kim loại; khóa số 8, bàn chông, dây đinh gai; áo giáp, găng tay điện, găng tay bắt dao; lá chắn, mũ chống đạn và công cụ hỗ trợ khác; công cụ khác có tính năng, tác dụng tương tự như công cụ hỗ trợ.

3. Các chất ma tuý và tiền chất; chất gây mê, chất độc, khí độc, chất phóng xạ; hoá chất độc hại, nguy hiểm.

4. Chất cháy, chất gây cháy, đồ vật gây cháy.

5. Thiết bị, linh kiện điện tử, thông tin liên lạc, phương tiện ghi âm, ghi hình, đồng hồ, trừ các trang thiết bị điện tử dùng trong y tế để đảm bảo sức khỏe cá nhân người bị tạm giữ, tạm giam như: máy trợ thính, máy trợ tim và các loại máy phụ trợ khác theo quy định của pháp luật về y tế và được sự đồng ý của Thủ trưởng cơ sở giam giữ.

6. Các thiết bị dùng để đun nấu, đồ dùng bằng kim loại, sành, sứ, đá, đất nung, thủy tinh, phích nước; đồ vật sắc, nhọn, chìa khóa, bấm móng tay, bút viết và các đồ vật có thể làm hung khí; các loại dây có thể dùng để tự sát, phá buồng giam, trốn khỏi nơi giam giữ, gây thương tích hoặc nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của người bị tạm giữ, tạm giam và người khác.

7. Rượu, bia, đồ uống có cồn, các loại thuốc lá, thuốc lào, xì gà và các chất kích thích khác; các loại thuốc phòng, chữa bệnh, thực phẩm chức năng chưa được sự đồng ý của Thủ trưởng cơ sở giam giữ.

8. Thực phẩm tươi sống hoặc thực phẩm đã qua chế biến, sơ chế nhưng không có điều kiện bảo quản, không bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm.

9. Giấy tờ tùy thân, giấy chứng nhận nghề, bằng cấp, chứng chỉ và các giấy tờ chứng nhận khác.

10. Sách, báo, ấn phẩm không được phát hành hợp pháp; ấn phẩm về tôn giáo, tín ngưỡng không được phép lưu hành; sách, báo, tài liệu, tranh, ảnh, phim, băng, đĩa có nội dung chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, truyền đạo trái phép, mê tín dị đoan, đồi trụy, gây ảnh hưởng xấu đến công tác quản lý người bị tạm giữ, tạm giam; các loại bài lá, phương tiện, công cụ dùng để đánh bạc dưới mọi hình thức.

11. Tiền Việt Nam đồng, ngoại tệ, giấy tờ có giá, vàng, bạc, đá quý, kim loại quý, thẻ ngân hàng, các loại thẻ thanh toán bằng hình thức điện tử.

12. Các đồ vật khác có thể gây mất an toàn cơ sở giam giữ, gây nguy hại cho bản thân người bị tạm giữ, tạm giam và người khác, ảnh hưởng xấu đến vệ sinh môi trường, sức khỏe của người bị tạm giữ, tạm giam hoặc sử dụng vào mục đích vi phạm nội quy, vi phạm pháp luật.

Điều 11. Phát hiện, thu giữ đồ vật cấm

1. Khi phát hiện việc đưa đồ vật cấm vào khu vực giam giữ, cán bộ có trách nhiệm lập biên bản vi phạm và thu giữ đồ vật cấm, yêu cầu người vi phạm làm bản tường trình và người biết việc làm báo cáo (nếu có). Trong biên bản phải xác định rõ số lượng, khối lượng, chủng loại, hình dạng, kích thước, màu sắc, tình trạng và các đặc điểm khác của đồ vật cấm bị thu giữ. Những đồ vật nghi là vàng,

bạc, đá quý, kim loại quý, ma túy hoặc đồ vật khác có thể niêm phong được thì phải niêm phong, có chữ ký của người lập biên bản, người vi phạm và người chứng kiến.

2. Trường hợp phát hiện đồ vật cấm mà không xác định được người đưa vào tàng trữ, sử dụng hoặc đối tượng vi phạm không có mặt khi thu giữ đồ vật cấm thì lập biên bản thu giữ đồ vật cấm và phải có ít nhất 02 người chứng kiến ký biên bản, niêm phong (nếu cần) và tiến hành xác minh làm rõ để xử lý.

3. Cán bộ sau khi lập biên bản thu giữ đồ vật cấm phải báo cáo Thủ trưởng cơ sở giam giữ để quản lý và xử lý đảm bảo chặt chẽ, an toàn.

4. Cơ sở giam giữ có trách nhiệm bố trí cán bộ và nơi lưu giữ, bảo quản đồ vật cấm không để mất mát, hư hỏng; việc giao, nhận đồ vật cấm phải lập biên bản và vào sổ theo dõi đầy đủ.

Điều 12. Xử lý đồ vật cấm

1. Đồ vật cấm khi bị thu giữ thì được xử lý như sau:

a) Đồ vật cấm quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 10 Thông tư này thì ngay sau khi thu giữ, cơ sở giam giữ phải tiến hành kiểm tra, xác minh đồng thời thông báo và chuyển ngay cùng hồ sơ, tài liệu có liên quan cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật;

b) Đồ vật cấm quy định tại khoản 4, 5 Điều 10 Thông tư này sau khi thu giữ phải tiến hành kiểm tra, xác minh làm rõ hành vi vi phạm; trường hợp có dấu hiệu tội phạm hoặc đồ vật mà cơ sở giam giữ không có khả năng kiểm tra, xác minh nội dung, dữ liệu bên trong thì báo cáo cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xác minh làm rõ, xử lý theo quy định của pháp luật. Trường hợp không có dấu hiệu tội phạm nếu đồ vật không có giá trị thì tổ chức tiêu hủy theo quy định; đối với đồ vật có giá trị thì bảo quản, niêm phong và bàn giao lại cho chủ sở hữu hoặc bàn giao cho đối tượng sau khi ra khỏi cơ sở giam giữ hoặc người có trách nhiệm nếu người bị tạm giữ, tạm giam chuyển đến cơ sở giam giữ khác;

c) Đồ vật cấm quy định tại các khoản 6, 7, 8, Điều 10 Thông tư này thì Thủ trưởng cơ sở giam giữ căn cứ vào kết quả họp Hội đồng xử lý đồ vật cấm, ra quyết định xử lý và tổ chức tiêu hủy theo quy định;

d) Đồ vật cấm quy định tại khoản 9 Điều 10 Thông tư này sau khi thu giữ thì chuyển cho bộ phận lưu ký quản lý và trả lại cho người bị tạm giữ, tạm giam khi được trả tự do hoặc bàn giao nếu chuyển cơ sở giam giữ khác hoặc bàn giao cho người thân thích theo đề nghị của người bị tạm giữ, tạm giam;

đ) Đồ vật cấm quy định tại các khoản 10, 12 Điều 10 Thông tư này sau khi thu giữ phải tiến hành kiểm tra, xác minh, lập hồ sơ trước khi tổ chức tiêu hủy;

e) Đồ vật cấm quy định tại khoản 11 Điều 10 Thông tư này sau khi thu giữ thì niêm phong, bảo quản, nếu xác định được chủ sở hữu thì sau khi xử lý vi phạm, bàn giao lại cho chủ sở hữu hoặc làm thủ tục gửi lưu ký và bàn giao cho đối tượng sau khi ra khỏi cơ sở giam giữ hoặc người có trách nhiệm nếu người bị tạm giữ, tạm giam chuyển đến cơ sở giam giữ khác. Trường hợp không xác định được chủ sở hữu thì Thủ trưởng cơ sở giam giữ báo cáo cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật;

g) Các đồ vật cấm có liên quan đến vụ án hình sự thì bàn giao cho cơ quan điều tra có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Việc xử lý đồ vật cấm bằng hình thức tiêu hủy phải thành lập Hội đồng gồm những thành viên sau:

a) Đối với trại tạm giam do Giám thị hoặc Phó Giám thị được ủy quyền làm Chủ tịch và các thành viên gồm: Phó Giám thị, Chính trị viên, Đội trưởng quản giáo, Đội trưởng Hỗ trợ tư pháp, cán bộ (nhân viên) quân y, trợ lý giam giữ kiêm hồ sơ, nhân viên tài chính. Đối với phân trại tạm giam do Phó Giám thị, Trưởng phân trại làm Chủ tịch, các thành viên khác như Hội đồng ở trại tạm giam;

b) Đối với nhà tạm giữ thuộc cơ quan điều tra hình sự khu vực do Thủ trưởng cơ quan điều tra hình sự khu vực làm Chủ tịch và các thành viên gồm Phó Thủ trưởng cơ quan điều tra hình sự khu vực, Trưởng nhà tạm giữ, trợ lý tổng hợp;

c) Đối với buồng tạm giữ của Bộ đội Biên phòng do Đồn trưởng hoặc Chỉ huy trưởng Biên phòng cửa khẩu cảng làm Chủ tịch và các thành viên khác do Chủ tịch quyết định;

d) Đối với buồng tạm giữ của Vùng Cảnh sát biển do Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển quyết định.

Điều 13. Hồ sơ thu giữ, xử lý đồ vật cấm

1. Hồ sơ thu giữ, xử lý đồ vật cấm, gồm:

a) Biên bản vụ việc, biên bản thu giữ đồ vật cấm, niêm phong (nếu đồ vật có niêm phong);

b) Biên bản làm việc hoặc ghi lời khai người vi phạm, người liên quan, người biết việc (nếu có);

c) Bản tường trình, kiểm điểm của người vi phạm, người liên quan, báo cáo của người biết việc (nếu có);

d) Thông báo kết quả giải quyết của cơ quan điều tra trong trường hợp hành vi vi phạm không bị xử lý về hình sự;

đ) Báo cáo của cán bộ phát hiện, thu giữ đồ vật cấm; báo cáo đề xuất hình thức xử lý;

e) Biên bản họp Hội đồng xử lý kỷ luật của cơ sở giam giữ; biên bản họp Hội đồng xử lý đồ vật cấm (nếu có);

g) Quyết định kỷ luật người vi phạm;

h) Quyết định xử lý đồ vật cấm; biên bản xử lý đồ vật cấm (biên bản bàn giao, tiêu hủy đồ vật cấm, biên bản trả đồ vật cho người bị tạm giữ, tạm giam);

i) Biên bản bàn giao hồ sơ, tài liệu, đồ vật (nếu chuyển cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định);

k) Tài liệu khác có liên quan.

2. Hồ sơ xử lý đồ vật cấm phải được lưu giữ theo quy định; các tài liệu có liên quan đến người bị tạm giữ, tạm giam phải được sao và lưu giữ trong hồ sơ quản lý người bị tạm giữ, tạm giam.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Bãi bỏ Chương I, V của Nội quy cơ sở giam giữ trong Quân đội nhân dân ban hành kèm theo Thông tư số 27/2018/TT-BQP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 15. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Cục trưởng Cục Điều tra hình sự Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Thượng tướng Nguyễn Văn Gấu